

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

### **Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp”;

Căn cứ Quyết định 2760/QĐ-BNN-TCTS ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Căn cứ Quyết định 984/QĐ-BNN-CN ngày 09 tháng 5 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;

Căn cứ Quyết định 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt “Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi”;

Căn cứ Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh với nội dung sau:

#### **I. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP LẠNG SƠN**

Những năm qua mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng sản xuất nông, lâm nghiệp và kinh tế nông thôn của tỉnh tiếp tục phát triển, đời sống của nông dân từng bước được cải thiện và nâng lên, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị - xã hội của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2006 - 2013 là 4,15%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 là 4,37% (nông nghiệp 4,52%, lâm nghiệp 3,55%, thủy sản 0,79%), giai đoạn 2011 - 2013 là 3,79% (nông nghiệp 3,7%, lâm nghiệp 4,79%, thủy sản 4,07%).

Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp trong cơ cấu GRDP toàn tỉnh giảm từ 39,39% năm 2006 xuống 28,22% năm 2013; cơ cấu GDP nội ngành nông lâm nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 78,9% năm 2006 lên 84,8% năm 2013, giảm tỷ trọng ngành lâm nghiệp từ 20,2% năm 2006 xuống 14,5% năm 2013; giảm tỷ trọng ngành thủy sản từ 0,9% năm 2006 xuống 0,7% năm 2013.

Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng thâm canh, tăng vụ gắn với sản xuất hàng hoá. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa các loại giống mới có năng suất, chất lượng cao thay thế giống cũ (đến nay có gần 40% diện tích lúa và 99% diện tích ngô sử dụng giống mới). Tổng sản lượng lương thực tăng nhanh từ 190 nghìn tấn năm 2000 lên 313 nghìn tấn năm 2013; bình quân lương thực đầu người năm 2013 đạt 414 kg, an ninh lương thực được bảo đảm. Cơ cấu cây trồng, mùa vụ chuyển dịch khá rõ nét, bước đầu hình thành các vùng tập trung cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản (Thuốc lá, Thạch đen, Quýt, Na, Hôi, Thông, Rau màu...), có một số sản phẩm xuất khẩu đem lại giá trị kinh tế cao.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được tăng cường đầu tư bằng nhiều nguồn vốn (ngân sách nhà nước, nhân dân, doanh nghiệp đóng góp) để tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, đường điện, công trình thủy lợi, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá xã, thôn bản, chợ khu vực... Kinh tế nông thôn từng bước phát triển, ngành nghề nông thôn (tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, cơ giới hoá, điện khí hoá) được tăng cường ở các khâu làm đất, chế biến, vận chuyển, góp phần nâng cao năng suất lao động; bộ mặt nông thôn có nhiều đổi thay, đời sống nông dân từng bước được cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp còn nhiều hạn chế trong việc nâng cao giá trị gia tăng, phát triển thiếu bền vững. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, chủ yếu là kinh tế hộ, các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả, thiếu các tổ chức kinh tế đủ năng lực dẫn dắt nông dân tham gia vào các chuỗi giá trị; thị trường tiêu thụ nông sản không ổn định; chuyển dịch cơ cấu nội ngành còn chậm, chưa rõ nét; sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, trình độ canh tác lạc hậu; chậm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung nhưng còn mang tính tự phát, sức cạnh tranh chưa cao; kết cấu hạ tầng nông thôn, hệ thống dịch vụ nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển... Do đó, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đang là yêu cầu cấp thiết, cần được tập trung thực hiện có hiệu quả trong thời gian tới.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” phù hợp với điều kiện

của tỉnh, đạt được mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp Lạng Sơn.

- Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm, thời hạn hoàn thành cho các ngành, cơ quan, đơn vị.

## **2. Yêu cầu**

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải nằm trong tổng thể, phù hợp sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy, khai thác tối đa các tiềm năng lợi thế để thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp mang đặc trưng riêng, có lợi thế cạnh tranh, phù hợp xu thế, thị hiếu thị trường tiêu thụ. Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ bằng các cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành nông nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải gắn liền với thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao đời sống người dân, đảm bảo an sinh xã hội. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từ đó nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững.

- Các cơ quan, đơn vị cần chủ động, tích cực, sáng tạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo Chương trình đề ra; trong quá trình tổ chức thực hiện cần bám sát chương trình, kế hoạch, định hướng chỉ đạo tái cơ cấu của cơ quan cấp trên; gắn nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành.

## **III. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng vùng, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh thông qua đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng gắn với chủ động phòng chống dịch bệnh; đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu; tạo động lực phát triển kinh tế nông thôn.

- Đảm bảo an ninh lương thực, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, giảm nghèo bền vững cho cư dân nông thôn; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 bình quân hằng năm 4 - 4,5%. Trong đó: Nông nghiệp 3,5 - 4%, lâm nghiệp 5 - 5,5%, thủy sản 5,5 - 6%.

- Duy trì ổn định sản lượng lương thực trên 300 nghìn tấn/năm.

- Thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích canh tác trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 60 triệu/ha vào năm 2015 và đạt khoảng 100 triệu/ha vào năm 2020.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 16,4 triệu đồng/người/năm vào năm 2015 và 29 triệu đồng/người/năm vào năm 2020.

- Giảm nghèo bền vững cho cư dân nông thôn khoảng 3%/năm.

- Đến năm 2020 có 104 xã cơ bản đạt các tiêu chí nông thôn mới.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh vào năm 2020 đạt 95%.

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 54 - 55% vào năm 2015 và 60% vào năm 2020.

#### **IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ**

##### **1. Chương trình 1: Phát triển sản phẩm chủ lực**

*a) Lĩnh vực trồng trọt:* Tái cơ cấu để từng bước hình thành rõ nét các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở lợi thế của từng vùng, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đủ sức cạnh tranh, có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với đổi mới hình thức sản xuất, có sự tham gia của doanh nghiệp để từng bước hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến thị trường tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu nâng năng suất các sản phẩm chủ lực trong vùng sản xuất tập trung lên từ 1,2 – 1,5 lần so hiện tại; ưu tiên các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển các vùng sản xuất hàng hóa nông sản chủ lực tập trung với quy mô đến năm 2020 cụ thể như sau:

- Duy trì ổn định sản lượng lương thực ở các vùng mở mức bình quân 300.000-320.000 tấn/năm, phát triển một số giống lúa có năng suất cao, có sức chống chịu hạn và sâu bệnh, có giá trị hàng hoá cao.

- Vùng Thuộc lá: Tập trung phát triển tại các huyện: Bắc Sơn, Chi Lăng, Hữu Lũng trên diện tích 6.000-8.000 ha, sản lượng 16.000-20.000 tấn/năm.

- Vùng Rau: Tập trung phát triển tại thành phố Lạng Sơn và các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình trên diện tích 3.600-4.000 ha, sản lượng 54.000-60.000 tấn/năm.

- Vùng Thạch đen: Tập trung phát triển tại các huyện: Tràng Định, Bình Gia trên diện tích 3.000-4.000 ha, sản lượng 26.000-30.000 tấn/năm.

- Vùng Ngô: Tập trung phát triển tại các huyện: Bắc Sơn, Hữu Lũng trên diện tích cả năm 8.000-10.000 ha, sản lượng 62.000-70.000 tấn/năm.

- Vùng Lạc: Tập trung phát triển tại các huyện: Hữu Lũng, Bắc Sơn, Chi Lăng trên diện tích 2.500 ha, sản lượng 6.000 tấn/năm.

- Vùng Na: Tập trung phát triển tại các huyện: Chi Lăng, Hữu Lũng trên diện tích 3.000-3.500 ha, sản lượng 37.000-40.000 tấn/năm.

- Vùng Quýt: Tập trung phát triển tại các huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định trên diện tích 1.200-1.800 ha, sản lượng 9.000-12.000 tấn/năm.

- Vùng Hồng: Vùng hồng Bảo Lâm tập trung phát triển tại huyện Cao Lộc trên diện tích 800-1.000 ha, sản lượng 6.000-8.000 tấn/năm. Vùng Hồng vành khuyên tập trung phát triển tại huyện Văn Lãng trên diện tích 900-1.500 ha, sản lượng 6.500-8.000 tấn/năm.

*b) Lĩnh vực lâm nghiệp:* Phát triển lâm nghiệp theo hướng tăng giá trị kinh tế và nâng cao tính phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu; tăng cường quản lý rừng đặc dụng, bảo vệ nguồn gen, bảo đảm đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường. Tập trung phát triển và tăng tỷ lệ rừng kinh tế trong tổng diện tích rừng hiện có; phát triển mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả và lâm sản ngoài gỗ với trồng rừng và khai thác rừng bền vững; từng bước đưa kinh tế lâm nghiệp thành ngành kinh tế chủ lực của tỉnh. Từng bước thay thế giống cây lâm nghiệp cũ bằng các giống mới cho năng suất, chất lượng cao hơn; rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng cho hợp lý để phát triển các vùng nguyên liệu tập trung đến năm 2020 như sau:

- Vùng Thông: Tập trung phát triển tại các huyện: Lộc Bình, Đình Lập, Cao Lộc trên diện tích 80.000-100.000 ha, sản lượng nhựa 20.000-30.000 tấn/năm, sản lượng gỗ 550.000-70.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Vùng Hôi: Tập trung phát triển tại các huyện: Văn Quan, Bình Gia, Văn Lãng trên diện tích 21.000-22.000 ha, sản lượng quả (hoa) hôi tươi 250.000-280.000 tấn/năm.

- Vùng Keo, Bạch đàn: Tập trung phát triển tại các huyện: Hữu Lũng, Chi Lãng, Tràng Định, Bình Gia trên diện tích 15.000-18.000 ha, sản lượng 300.000-400.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Vùng Chè: Tập trung phát triển tại thị trấn Nông trường Thái Bình và các xã lân cận của huyện Đình Lập trên diện tích 1.100-1.200 ha, sản lượng Chè búp tươi 4.300-5.000 tấn/năm.

- Vùng nguyên liệu giấy (cây Tre, Mai, Vầu, Nứa): Tập trung phát triển tại các huyện: Tràng Định, Bình Gia trên diện tích 12.500-13.500 ha, sản lượng 45-50 triệu cây/năm.

- Xây dựng vùng sản xuất gỗ lớn khoảng 255.000-260.000 ha, chiếm 40-45% diện tích đất lâm nghiệp, bằng các biện pháp khoanh nuôi kết hợp trồng bổ sung các loài cây bản địa có giá trị kinh tế cao.

*c) Lĩnh vực chăn nuôi:* Từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm kiểm soát dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng lĩnh vực chăn nuôi bình quân hàng năm giai đoạn 2013 - 2015 đạt 4,9%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 5,2%, đưa tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp lên 40% vào năm 2015 và 45% vào năm 2020. Trước mắt duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng từng

bước tổ chức lại theo hướng chăn nuôi gia trại, trang trại có áp dụng quy trình phòng chống dịch, bảo đảm an toàn sinh học. Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng quy mô, số lượng và nâng cao chất lượng các vật nuôi chủ lực là lợn, gia cầm. Bên cạnh đó duy trì ổn định đàn trâu, bò; tiếp tục phát triển chăn nuôi các loài đặc sản có giá trị kinh tế cao (Dê, Ngựa bạch, Ong...). Từng bước phát triển chăn nuôi quy mô lớn, an toàn sinh học gắn với hình thành cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch của tỉnh.

*d) Lĩnh vực thủy sản:* Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích nuôi các loài cá thịt truyền thống, chú trọng đầu tư mở rộng mô hình nuôi cá lồng tại các địa phương có tiềm năng (Bắc Sơn, Văn Quan). Khuyến khích phát triển mô hình nuôi các loại thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao, phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản bình quân hằng năm 5,5-6%. Tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Giống thủy sản cấp I Lạng Sơn, phấn đấu đến năm 2015 đáp ứng được 50% nhu cầu giống thủy sản trên địa bàn tỉnh; từng bước hình thành các cơ sở ương, nuôi giống thủy sản vệ tinh tại các huyện, thành phố để đến năm 2020 chủ động sản xuất, đáp ứng nhu cầu giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

## **2. Chương trình 2: Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất**

Trước mắt nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, từng bước phát triển kinh tế trang trại theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; đề cao vai trò của doanh nghiệp trong việc kết nối giữa sản xuất với thị trường; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp liên kết với nông dân theo phương thức ký kết hợp đồng thu mua sản phẩm gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế tập thể. Phát triển các tổ, nhóm kinh tế hợp tác tự nguyện của nông dân (tổ hợp tác, hợp tác xã) độc lập hoặc liên kết với doanh nghiệp để sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp, thống nhất định hướng sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, tránh cạnh tranh không lành mạnh.

Đẩy mạnh cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp cùng với thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng và đất.

Xây dựng hình thành và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất mới có hiệu quả thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyên môn hóa nông nghiệp.

## **3. Chương trình 3: Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn**

Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng; ưu tiên đầu tư phát triển giao thông tại các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung;

Tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, kết hợp xây mới các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt để nâng cao việc tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng

thâm canh; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tưới mới hiệu quả, tiết kiệm nước.

Cải tạo, phát triển đồng bộ hệ thống điện, bảo đảm đủ điện phục vụ sản xuất và đời sống cư dân nông thôn. Phát triển hệ thống bưu chính viễn thông, trong đó chú trọng phát triển hệ thống bưu chính viễn thông công ích, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin cho vùng nông thôn, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

Phát triển hệ thống chợ, cửa hàng bán lẻ khu vực tại các thị tứ, trung tâm cụm xã và các xã có điều kiện; từng bước bố trí lại các điểm cư dân nông thôn theo quy hoạch, bảo đảm đồng bộ với hệ thống hạ tầng giao thông, điện, thông tin truyền thông, nước sinh hoạt, xử lý môi trường, gắn với việc quy hoạch phát triển các vùng sản xuất hàng hóa, cơ sở công nghiệp chế biến, dịch vụ gắn với phát triển mạng lưới thị trấn, thị tứ.

Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở chế biến nông lâm sản; hình thành, phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến nông, lâm sản có quy mô phù hợp với từng vùng nguyên liệu; tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao; tăng nhanh giá trị gia tăng của các sản phẩm, làm cơ sở thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển. Tạo điều kiện cho các cơ sở chế biến xây dựng dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân. Các cơ sở chế biến gắn với thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu để hình thành chuỗi giá trị đối với các nông sản có lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Phát triển cơ sở chế biến đồng thời với đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu. Tập trung hình thành, phát triển một số cơ sở sơ chế, chế biến nông, lâm sản đến năm 2020 như sau:

- Phát triển các cơ sở chế biến gỗ nhỏ, gỗ lớn, tre, mai, vầu, nứa.
- Phát triển cơ sở chế biến tinh dầu Hồi, nhựa Thông.
- Phát triển nhà máy chế biến Chè tại thị trấn Nông trường Thái Bình, huyện Đình Lập.
- Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến: Thuốc lá, Thạch đen.
- Xây dựng cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi.
- Xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm.

#### **4. Chương trình 4: Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dịch vụ nông nghiệp**

Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật từ tỉnh đến cơ sở. Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ Thú y viên, Khuyến nông viên xã để đáp ứng yêu cầu hiện nay. Từng bước xã hội hóa công tác khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các dịch vụ công.

Tăng cường đổi mới phương pháp tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đổi mới phương thức, cách

thức xây dựng mô hình trình diễn để nhân rộng, phát triển bền vững các mô hình có hiệu quả. Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá công tác nghiên cứu khoa học và cơ chế giao nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học; hướng mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ tập trung vào hình thành các sản phẩm chủ lực nông nghiệp, xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở nghiên cứu khoa học gắn kết chặt chẽ với các cơ sở sản xuất.

Củng cố, xây dựng hệ thống tổ chức thủy nông hoạt động có hiệu quả để quản lý, khai thác tốt hệ thống các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, phục vụ tích cực cho phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Nâng cao năng lực hệ thống cung ứng vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi... Tăng cường quản lý chất lượng nông lâm sản, thủy sản, vật tư nông nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp làm dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp từng bước tham gia đầu tư vào sản xuất theo hình thức hợp tác liên kết với hộ nông dân và doanh nghiệp sản xuất.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hoá chủ lực để xuất khẩu các sản phẩm như: Ván bóc, ván MDF, bột giấy, hàng thủ công mỹ nghệ, Chè, hoa Hài, tinh dầu Hài, nhựa Thông, Thạch đen. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng các sản phẩm xuất khẩu chủ lực; đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách của các nước nhập khẩu.

Tăng cường phối hợp, liên kết phát triển, mở rộng thị trường nội địa tập trung vào thị trường các thành phố lớn và các tỉnh lân cận, các khu du lịch để tiêu thụ các sản phẩm: Rau các loại, thuốc lá, gia súc, gia cầm, Na, Quýt, Hồng, thức ăn chăn nuôi; hình thành các kênh phân phối, tiêu thụ nông sản do các doanh nghiệp làm nòng cốt, gắn với các hợp tác xã theo phương thức ký hợp đồng ngay từ đầu vụ sản xuất.

## **5. Chương trình 5: Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn liền việc chuyển đổi cơ cấu lao động khu vực nông thôn**

Thực hiện tốt Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để trở thành người sản xuất chuyên nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; ưu tiên đào tạo nghề phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh, gắn với các đề án, dự án cụ thể. Hỗ trợ đào tạo nghề cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm dạy nghề; mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao khoa học, kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho nông dân; nhân rộng các mô hình hiệu quả trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo cơ hội việc làm cho lao động nông thôn. Chuyển dần một phần lao động nông nghiệp sang hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kỹ thuật viên ngành nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông



nghiệp; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; cán bộ quản lý hợp tác xã, tổ hợp tác.

## **6. Chương trình 6: Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**

Tăng hợp lý tỷ trọng vốn đầu tư của ngân sách nhà nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các lĩnh vực mà khả năng thu hồi vốn không cao hoặc không thể huy động đầu tư tư nhân.

Rà soát, phân loại các dự án đầu tư, điều chỉnh phương thức và nguồn đầu tư để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao chất lượng lựa chọn dự án; chấm dứt tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải.

Ưu tiên đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp như sau:

- Đầu tư phát triển vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực; các chương trình, dự án phát triển giống năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, biến đổi khí hậu; đầu tư các dự án giám sát, phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh; hỗ trợ đầu tư bảo quản, chế biến, giảm tổn thất sau thu hoạch và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đầu tư chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất; đầu tư cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực dự báo, cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ tiếp thị, quảng bá, phát triển thị trường cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

- Đầu tư các công trình thủy lợi theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp. Đầu tư công trình thủy lợi đầu mối, bố trí vốn nhiều hơn cho nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư; hỗ trợ áp dụng các phương pháp tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi.

- Lồng ghép các nguồn lực để tập trung đầu tư cho các xã điểm đến năm 2015 và 69 xã còn lại giai đoạn 2016 - 2020 cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới theo Đề án xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa Nhà nước và tư nhân (đối tác công tư, hợp tác công tư,...) để huy động nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp**

Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tích cực phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, tổ chức đoàn thể, Hội nghề nghiệp các cấp tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chương trình hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu

ngành nông nghiệp đến toàn thể cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhân dân để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận trong tổ chức triển khai thực hiện.

Các cơ quan thông tấn báo chí đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về tình hình thực hiện Chương trình hành động, thường xuyên cập nhật đưa tin về các mô hình, tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến.

## **2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, nông thôn; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức sản xuất theo định hướng quy hoạch.

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ba loại rừng, quy hoạch nông nghiệp, nông thôn để cơ cấu lại các loại đất đai, quy mô các loại cây trồng nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị sản xuất.

Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về lập, thẩm định, thực hiện quản lý quy hoạch. Rà soát, hoàn thiện nâng cao chất lượng quy hoạch các sản phẩm chủ lực của tỉnh; quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

## **3. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, xây dựng mới các cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp hiện hành; chủ động rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách đang còn hiệu lực để kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp với thực tế. Đồng thời xây dựng các cơ chế chính sách mới có sức hấp dẫn, đảm bảo tính khả thi để khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nâng cao chất lượng xây dựng cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của chính sách trong cuộc sống.

## **4. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất**

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong quá trình thực hiện tái cơ cấu. Tiếp tục đổi mới hệ thống khoa học công nghệ theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; huy động các thành phần kinh tế đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia các hoạt động khoa học; thực hiện cơ chế nghiên cứu khoa học theo đơn đặt hàng, cơ chế đấu thầu các đề tài nghiên cứu khoa học.

Nâng cao vai trò của các tổ chức nông dân và doanh nghiệp trong việc xác định nội dung ưu tiên nghiên cứu. Hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

## **5. Hoàn chỉnh bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động của ngành nông nghiệp**

Rà soát điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phù hợp; sắp xếp tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương để bảo đảm hoạt động chủ động, hiệu quả.

Tăng cường năng lực của hệ thống kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với vật tư, sản phẩm nông lâm sản. Củng cố và nâng cao năng lực của hệ thống thanh tra chuyên ngành về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp; đổi mới và nâng cao hiệu quả, trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; chấp hành kỷ luật, kỷ cương của công chức, viên chức. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, hiệu quả hoạt động của cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

## **6. Phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường**

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phải gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững; thực hiện có hiệu quả công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng để phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính.

Giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường do việc khai thác các nguồn lực cho sản xuất nông lâm thủy sản; tăng hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài nguyên (đất, nước, nguồn lợi biển, rừng); quản lý và sử dụng hiệu quả, an toàn các loại hóa chất, thuốc trừ sâu, chất thải từ chăn nuôi, trồng trọt, công nghiệp chế biến và làng nghề; bảo tồn đa dạng sinh học.

Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn môi trường kèm cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh. Tăng cường quản lý kiểm soát nguy cơ ô nhiễm đất và nước từ chất thải chăn nuôi và phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ các phụ phẩm của ngành chăn nuôi; quản lý vùng nuôi an toàn về môi trường.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

- Làm đầu mối, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chương trình hành động này; thực hiện các Chương trình số 1, số 4 và các Đề án có liên quan; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội để thực hiện Chương trình hành động.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong triển khai thực hiện.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, gửi UBND tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan thực hiện Chương trình số 3 và xây dựng chính sách có liên quan.

- Ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp thực hiện các nhiệm vụ tái cơ cấu theo quy định của Luật Đầu tư công.

## 3. Sở Tài chính.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện Chương trình số 6; tham mưu đảm bảo các chính sách tài chính cho việc thực hiện các đề án, dự án, chính sách có liên quan. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư phân bổ các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

## 4. Sở Khoa học và Công nghệ.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành có liên quan, tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện Chương trình hành động này. Thực hiện các đề tài có liên quan.

## 5. Sở Công thương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan liên quan thực hiện các Chương trình, Đề án có liên quan.

- Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm các hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại trong buôn bán hàng nông, lâm, thủy sản.

## 6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa) và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

## 7. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành có liên quan, tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đường giao thông phục vụ nhiệm vụ tái cơ cấu, ưu tiên đầu tư phát triển giao thông tại các vùng sản xuất tập trung.

## 8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện Chương trình số 5; phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện các Đề án, dự án, chính sách có

liên quan; tăng cường công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

#### 9. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên tập trung vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

#### 10. Liên minh Hợp tác xã.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện Chương trình số 2; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phát triển các tổ, nhóm kinh tế hợp tác tự nguyện của nông dân (hợp tác xã, tổ hợp tác) độc lập hoặc liên kết với doanh nghiệp để sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp; thực hiện các Đề án có liên quan.

#### 11. UBND các huyện, thành phố.

Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi là lợi thế theo từng địa bàn, có khả năng cạnh tranh phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành và nhu cầu thị trường; nghiên cứu, xây dựng mô hình sản xuất và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp, hiệu quả.

12. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể, nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành thống nhất nhận thức trong tổ chức, vận động doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, nhân dân tích cực tham gia; tăng cường giám sát quá trình thực hiện.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình hành động này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần sửa đổi, bổ sung các nội dung Chương trình, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo LS, Đài PT-TH tỉnh;
- CPVP; các phòng chuyên môn, TH-CB;
- Lưu: VT, CVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vy Văn Thành**